

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HS-ST

Ngày: 12/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thu Hồng
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2025/TLST-HS ngày 30/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 21/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Ô Văn T, sinh năm 1997 tại tỉnh Vĩnh Long (trước đây là tỉnh Bến Tre); nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long; **căn cước công dân số: 083097004091; danh chỉ bản số: 42 lập ngày 29/01/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long)**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ô Văn A, và bà Trần Thị M; vợ: Huỳnh Thục N; con: có 01 người con sinh năm 2024; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự phúc thẩm số 03/2017/HSPT ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt Ô Văn T 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 06 tháng (đã xóa án tích).

- Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 12/01/2016 của Công an P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt Ô Văn T 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 03/4/2016 của Công an P2 (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt Ô Văn T 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 40/QĐ-XPHC ngày 03/10/2016 của Công an xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt Ô Văn T 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường P áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Ô Văn T thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 04/QĐ-TA ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Ô Văn T thời hạn 13 tháng (chấp hành xong ngày 17/5/2021).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc L (C), sinh năm 2002 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân số: 083202006680; danh chỉ bản số: 150 lập ngày 06/6/2025 tại **tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long)**; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L1 (đã chết) và bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: có 01 tiền án.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt Trần Ngọc L 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”; (Bản án Hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là tội phạm rất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, chấp hành xong hình phạt ngày 13/4/2024 nên chưa được xóa án tích);

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2025/HSST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long xử phạt Trần Ngọc L 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2023/HSST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt Trần Ngọc L 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp Bản án Hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo chấp hành chung 02 bản án là 04 năm 09 tháng tù (hành vi phạm tội trước tội “Cướp tài sản”).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 14/01/2019 của Công an P3, thành phố B xử phạt Trần Ngọc L 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác kể từ ngày 05/01/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Trần Quốc C, sinh năm 1996; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Anh C ủy quyền cho bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978; nơi cư trú: số F, đường Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 11/8/2025). Có mặt

2. Phạm Thị Ngọc T2, sinh năm 1992; nơi cư trú: số A, ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1995; nơi cư trú: số I, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

2. Trần Thị Ngọc L2, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

Bà L2 ủy quyền cho bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978; nơi cư trú: số F, đường Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2025). Có mặt

- Người làm chứng:

1. Phạm Ngọc T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: số C, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2. Võ Hoài H, sinh năm 1995; nơi cư trú: số A, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

3. Huỳnh Thục N, sinh năm 2003; nơi cư trú: số A, khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

4. Nguyễn Tấn Phong V, sinh năm 1979; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/01/2025, Ô Văn T điều khiển xe mô tô Biển số 71B3 – 013.98 chở sau Trần Ngọc L lưu thông trên đường Đ từ Vòng xoay P đi cầu B, Phường F, thành phố B. Khi lưu thông đến khu vực gần Sân vận động tỉnh B ở Khu phố C, phường P, thành phố B, T thấy Trần Quốc C, sinh năm 1996; ĐKTT: Số C, Khu phố D, phường P, thành phố B điều khiển xe mô tô Biển số 62H1 - 1939 lưu thông cùng chiều từ sau xe T vượt lên phía bên trái xe của T sau đó C cho xe cặp vào lề chạy chậm lại, T cho rằng C điều khiển xe lạng lách, vượt ẩu nên T bực tức điều khiển xe rượt theo C. Khi xe của T điều khiển song song với xe của C, L nói “mày chạy xe gì kỳ vậy”, C hỏi “mày nói gì dạ” rồi C dừng xe lại.

T điều khiển xe mô tô vượt lên dừng xe chặn đầu xe C. C sợ bị T đánh nên C xuống xe đi bộ đến gian hàng bán dụng cụ làm bếp, làm vườn (dao, kéo, búa, rìu...) của anh Huỳnh Ngọc T3 đang bày bán trên lề đường ở khu vực Sân bóng đá mi ni tên Khang H1, C lấy hai mỏ lếch bằng kim loại cầm trên tay. T cũng đi lại gian hàng của anh T3 lấy một chiếc rìu, T cầm rìu rượt C chạy vào sân bóng đá mi ni K. Trong lúc T rượt đuổi C, L nhặt cục gạch lát vỉa hè bị bể có kích thước khoảng 05 cm x 05 cm chọi C nhưng không trúng. Sau một lúc rượt đuổi, Thuận đi T5 ra xe, C cũng đi trở ra về hướng xe của C. L kêu C bỏ mỏ lếch xuống nói chuyện, C nghe theo bỏ mỏ lếch xuống đất, L đi lại cặp cổ C rồi dùng tay đánh C, C tung ra bỏ chạy, L lượm gạch lát vỉa hè bị bể có kích thước khoảng 05 cm x 05 cm chọi trúng nón bảo hiểm của C, T cầm rìu tiếp tục rượt đánh C, C chạy và bị vấp ngã, T xông tới cầm rìu chém C, C đưa tay phải lên đỡ bị rìu chém trúng tay gây thương tích.

Hiện trường vụ án xảy ra trên vỉa hè đường Đ ở Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cách trụ điện số 14 về hướng Đông 5,5m, cách cổng rào Sân bóng đá mi ni Khang Huy 17 m.

Thu giữ qua khám nghiệm hiện trường: 02 (hai) mẫu màu nâu nghi máu tại vị trí số 01 và 02; 01 (một) đôi dép kẹp màu đen trên quai dép có chữ “MIXSTAR”.

Thu giữ của Huỳnh Ngọc T3: 01 chiếc rìu cán bằng gỗ chiều dài 16cm, lưỡi rìu cong hình bán nguyệt dài 17cm, lưỡi sắc bén, có dính vết màu đỏ nghi là máu.

Thu giữ của Ô Văn T: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3 - 013.98, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu đen, Số máy: G3D4E352567, Số khung: RLCUG0610GY335658, đã qua sử dụng; 01 (một) quần short jean màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu đen trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác bằng vải loại trùm đầu màu xanh ghi chữ MADE IN VIETNAM, dây kéo ở giữa.

Thu giữ của Trần Ngọc L: 01 (một) nón bảo hiểm, màu trắng, phía trước và 02 bên hông có chữ PIAGGIO; 01 (một) quần jean ngắn màu xanh; 01 (một) áo thun cổ tròn, tay ngắn, màu đen, phía trước có chữ adidas.

Kết luận giám định số 220/KL-KTHS ngày 20/02/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết màu nâu nghi máu thu tại vị trí số 01 và số 02 của hiện trường vụ án và vết màu nâu nghi máu trên chiếc rìu là máu người. Phân tích gen (ADN) từ các dấu vết máu này đều được 01 kiểu gen, trùng với kiểu gen của bị hại Trần Quốc C. Lưu các kiểu gen này trong hồ sơ giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 47/25/KLTTCT-TTPYBT ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm P4 - Sở Y tế tỉnh B đối với Trần Quốc C kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo mặt sau cổ tay phải kích thước lớn: 03% căn cứ chương 8 mục I.3; Sẹo mặt sau cẳng tay phải kích thước nhỏ: 01% căn cứ chương 8 mục I.1; Tổn thương nhánh nông thần kinh quay tay phải: 11% căn cứ chương I mục VII.3.14. Gãy xương thuyền tay phải: 5% căn cứ chương 7 mục V.3.1.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Quốc C tại thời điểm giám định là 19%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: do vật sắc gây ra.

Ngoài vụ án cố ý gây thương tích nêu trên, Ô Văn T trước đây cũng đã có hành vi cố ý gây thương tích và làm hư hỏng tài sản của người khác rồi bỏ trốn, cụ thể: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, chị Phạm Thị Ngọc T2 điều khiển xe ô tô Biển số 71A - 085.56 chở Võ Hoài H và Phạm Ngọc T4 dừng trước quầy bán nước giải khát của vợ chồng Ô Văn T ở Khu phố B, phường P, thành phố B, T2 xuống xe đi bộ qua Tiệm tạp hóa bên kia đường mua bánh. H ngồi trong xe ô tô mua nước trà đường do Huỳnh Thục N là vợ của T bán. Khi N đem nước ra bán cho H, T thấy H nắm tay chọc ghẹo N nên T bực tức lấy con dao Thái lan cán bằng gỗ dài 13,4 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 9,3 cm để trên quầy bán nước đi lại gần xe ô tô Biển số 71A - 085.56, T thấy H đang ngồi ghế phía trước bên cạnh ghế tài xế, T nhận ra H là người trước đây đã cùng một số người khác rượt đánh T nên T cầm dao quơ vào bên trong xe đánh H nhưng lưỡi dao không trúng H mà trúng thành xe làm lưỡi dao bị gãy, T quăng bỏ cán dao. T tiếp tục lấy ly thủy tinh có quay cầm để đánh H. Thấy vậy, H trèo ra ghế sau ngồi cùng với T4. T cầm ly thủy tinh thò tay vào bên trong xe quơ đánh H nhưng không trúng, ly thủy tinh trúng thành xe bị vỡ, T cầm quay cầm của ly thủy tinh bị vỡ tiếp tục quơ đánh H, miếng ly thủy tinh trúng vào tay trái, mi mắt trái của H gây thương tích, T4 cũng bị T quơ miếng ly thủy tinh trúng trán trái gây thương tích. Sau đó, T lấy kẹp bằng kim loại dùng gấp than tổ ong đập xe ô tô Biển số 71A - 085.56 làm bể kính chắn gió phía sau xe và mốp cốp xe. Lúc này chị T2 bên kia đường nhìn thấy H, T4 bị đánh nên đi trở qua lái xe ô tô Biển số 71A - 085.56 chở H, T4 đến Bệnh viện Đ, tỉnh Bến Tre cấp cứu.

Hiện trường vụ án xảy ra trên đường N ở Khu phố B, phường P, thành phố B; cách Ngã tư T 40 m, vị trí xe ô tô Biển số 71A - 085.56 đỗ cập lề phải đường N, đầu xe hướng về Ngã tư T.

Thu qua kiểm tra, xác định hiện trường: 01 (một) cán dao Thái Lan bằng gỗ đã bị gãy phần lưỡi dao dài 13,4cm, vị trí cán dao nằm trong hẻm, cách nơi xảy ra vụ việc 13 m; 01 (một) lưỡi dao kim loại màu trắng dài 9,3 cm, rộng 1,8 cm và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh trên xe ô tô Biển số 71A - 085.56. Ô Văn T giao nộp: 01 (một) cây kẹp bằng sắt loại 06mm, màu nâu, chiều dài 15cm, phần tay cầm rộng nhất 09cm.

Kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐG ngày 21/3/2023 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận: 01 xe ô tô con 05 chỗ nhãn hiệu HYUNDAI, số loại

Grand 110 1.2MT, số máy: G4LAKM333228, số khung: RLUG7W1DAKN039739, màu trắng, Biển số 71A - 085.56, sản xuất năm 2019, bị hư hỏng vị trí:

Kính chắn gió phía sau (kính hậu) bị vỡ hoàn toàn tại vị trí bên phải của mặt kính tạo độ hở có chiều cao 38cm, vị trí vỡ kính rộng nhất có kích thước 16cm, xung quanh toàn bộ mặt kính bị nứt dạng tia màu trắng. Trị giá tài sản ngày 18/01/2023: $3.740.000 \times 80\% + 10\%VAT = 3.291.200$ đồng.

Phần đuôi xe ở vị trí cốp sau xe con bị móp, cong vênh, có vết nứt màu đen, đứt quãng, kích thước 14,5cm cách vị trí gần Biển số xe 71A - 085.56 là 13,5cm. Trị giá tài sản ngày 18/01/2023: Làm đồng: $3.000.000 \times 80\% + 10\%VAT = 2.640.000$ đồng; Tiền sơn: $9.500.000 \times 80\% + 10\%VAT = 8.360.000$ đồng; tổng cộng: 11.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô Biển số 71A - 085.56: 14.291.200 đồng.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 93-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 16/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh P4 đối với Phạm Ngọc T4 kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo trán trái kích thước nhỏ: 03% (ba phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.1 và nguyên tắc 2.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm cơ thể của Phạm Ngọc T4 tại thời điểm giám định là: 03%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 94-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 16/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh P4 đối với Võ Hoài H kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo bàn tay trái vùng mô cái đến kẽ ngón 1,2 kích thước trung bình; Sẹo mi mắt trái kích thước nhỏ.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm cơ thể của Võ Hoài H tại thời điểm giám định là: 05% (năm phần trăm).

3. Kết luận khác:

Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo bàn tay trái vùng mô cái đến kẽ ngón 1,2 kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8 mục I.2. Sẹo mi mắt trái kích thước nhỏ: 03% căn cứ chương 8 mục I.1 và nguyên tắc 2.

Cơ chế hình thành vết thương: do vật sắc nhọn gây ra.

Về xử lý vật chứng:

Xử lý đối với vật chứng vụ án cố ý gây thương tích xảy ra ngày 05/01/2025:

Ngày 04/6/2025, Cơ quan điều tra giao trả xe mô tô Biển số 71B3 - 013.98 cho ông Nguyễn Thành H2 là chủ sở hữu; ông H2 nhận xe và không có yêu cầu gì khác.

Đối với 01 (một) chiếc rìu là hung khí gây án; 01 (một) quần short jean, 01 (một) áo thun ngắn tay, 01 (một) áo khoác bằng vải loại trùm đầu màu xanh là trang phục của Ô Văn T mặc khi gây án, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, 01 (một) quần jean ngắn màu xanh và 01 (một) áo thun cổ tròn, tay ngắn là trang phục của Trần Ngọc L mặc khi gây án Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Xử lý đối với vật chứng vụ án cố ý làm hư hỏng tài sản và cố ý gây thương tích xảy ra ngày 18/01/2023: 01 (một) cán dao Thái Lan bằng gỗ, 01 (một) lưỡi dao kim loại màu trắng, 01 (một) cây kẹp bằng sắt và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh là dụng cụ gây án Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Bị hại Trần Quốc C yêu cầu Ô Văn T, Trần Ngọc L bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 97.112.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị 2.112.000 đồng, tiền công lao động của bị hại 10.000.000 đồng/tháng x 05 tháng là 50.000.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.200.000, tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bị hại 15.000.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 06 ngày là 1.800.000 đồng; T, L không đồng ý nên chưa bồi thường.

Bị hại Phạm Thị Ngọc T2 yêu cầu Ô Văn T bồi thường giá trị phần hư hỏng của xe ô tô Biển số 71A - 085.56: 14.291.200 đồng, T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Võ Hoài H, Phạm Ngọc T4 yêu cầu Ô Văn T bồi thường cho H và T4 mỗi người 5.000.000 đồng cho mỗi người, T đã tác động gia đình bồi thường xong. Võ Hoài H và Phạm Ngọc T4 có đơn rút đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Ô Văn T và những người có liên quan nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 3393/QĐ-CSHS ngày 02/6/2025.

Quá trình điều tra, Ô Văn T, Trần Ngọc L khai nhận phù hợp với nhau về hành vi đánh bị hại Trần Quốc C, Ô Văn T khai nhận hành vi cố ý làm hư hỏng xe ô tô của bị hại Phạm Thị Ngọc T2; lời khai của Ô Văn T, Trần Ngọc L phù hợp lời khai của các bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 51/CT-VKSTPBT ngày 30/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Ô Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178

Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Ngọc L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ô Văn T từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ô Văn T từ 6 tháng đến 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành chung.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Ngọc L từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2025/HSST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) để buộc bị cáo chấp hành chung.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận: Ngày 04/6/2025, Cơ quan điều tra giao trả xe mô tô Biển số 71B3 - 013.98 cho ông Nguyễn Thành H2 là chủ sở hữu; ông H2 nhận xe và không có yêu cầu gì khác.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc rìu là hung khí gây án; 01 (một) quần short jean, 01 (một) áo thun ngắn tay, 01 (một) áo khoác bằng vải loại trùm đầu màu xanh là trang phục của Ô Văn T mặc khi gây án, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, 01 (một) quần jean ngắn màu xanh và 01 (một) áo thun cổ tròn, tay ngắn là trang phục của Trần Ngọc L mặc khi gây án; 01 (một) cán dao Thái Lan bằng gỗ, 01 (một) lưỡi dao kim loại màu trắng, 01 (một) cây kẹp bằng sắt và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Ô Văn T đã nhờ người thân bồi thường cho bị hại C số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại Trần Quốc C số tiền 77.112.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị 2.112.000 đồng, tiền công lao động của bị hại 10.000.000 đồng/tháng x 03 tháng là 30.000.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.200.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bị hại 15.000.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 06 ngày là 1.800.000 đồng.

Buộc Ô Văn T bồi thường cho Phạm Thị Ngọc T2 giá trị phần hư hỏng của xe ô tô Biển số 71A - 085.56 là 14.291.200 đồng.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiêu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Về phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại T2 thì bị cáo đồng ý bồi thường. Về phần trách nhiệm dân sự theo yêu cầu của bị hại C thì bị cáo chỉ đồng ý bồi thường tiền công lao động của bị hại với số tiền là 30.000.000 đồng; tiền điều trị của bị cáo C, tiền tổn thất tinh thần bị cáo không đồng ý bồi thường. Các khoản khác theo yêu cầu của bị hại C thì bị cáo đồng ý bồi thường. Bị cáo đã có nhờ người thân bồi thường cho bị hại C số tiền 2.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận.

Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiêu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Về phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại C thì bị cáo đồng ý bồi thường như bị cáo T.

Bị hại T2 trình bày: việc bị cáo làm hư hỏng tài sản của bị hại như cáo trạng nêu. Chị yêu cầu bị cáo T bồi thường cho chị giá trị tài sản bị hư hỏng là 14.291.200 đồng. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc L2 trình bày: Sự việc các bị cáo gây thương tích cho bị hại như cáo trạng nêu là đúng. Việc bị cáo T có nhờ gia đình bồi thường cho bị hại C số tiền 2.000.000 đồng là có, số tiền này phía bị hại đã trừ ra xong. Phía bị hại yêu cầu Ô Văn T, Trần Ngọc L bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 97.112.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị 2.112.000 đồng, tiền công lao động của bị hại 10.000.000 đồng/tháng x 05 tháng là 50.000.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.200.000, tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bị hại 15.000.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 06 ngày là 1.800.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng Huỳnh Thục N trình bày: Chị là vợ của bị cáo T, việc bị cáo T làm hư hỏng xe của bị hại T2 như cáo trạng nêu là đúng. Nguyên nhân sự việc là do có người ở trong xe trêu chọc chị nên bị cáo T tức giận mới xảy ra sự việc.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/01/2025, Ô Văn T và Trần Ngọc L chỉ vì thấy Trần Quốc C điều khiển xe mô tô vượt qua mặt và cho rằng C lạng lách, thách thức mình nên T và L đã dùng rìu chém C gây thương tích với tỷ lệ thương tật 19% tại Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Ngoài hành vi cố ý gây thương tích nêu trên, khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, Ô Văn T còn dùng kẹp bằng kim loại thường dùng gấp than tổ ong đập xe ô tô Biển số 71A - 085.56 của chị Phạm Thị Ngọc T2 làm hư hỏng tài sản là xe ô tô Biển số xe 71A - 085.56 trị giá tài sản hư hỏng là 14.291.200 đồng tại Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh người khác gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt mà các bị cáo đã dùng rìu chém Trần Quốc C gây thương tích với tỷ lệ thương tật 19%. Ngoài ra, Ô Văn T còn có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là xe ô tô Biển số xe 71A - 085.56 của bị hại Phạm Thị Ngọc T2 trị giá tài sản hư hỏng là 14.291.200 đồng và gây thương tích cho Võ Hoài H với tỷ lệ thương tật 05% và Phạm Ngọc T4 với tỷ lệ thương tật 03%, H, T4 có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với T. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo sự hoài nghi, tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo Ô Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Ngọc L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Bồi thường khắc phục một phần hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” đối với cả 02 tội theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” bị cáo được hưởng thêm tình tiết “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo L: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo có tiền án chưa được xóa nhưng lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, thấy rằng thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung là cần thiết.

Về vai trò đồng phạm: trong vụ án cố gây thương tích thì các bị cáo đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người thực hành trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại Trần Quốc C, bị cáo Trần Ngọc L tham gia với vai trò là người giúp sức nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo T bị xét xử về hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo T chấp hành chung.

Bị cáo L đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2025/HSST ngày 24/6/2025 nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo chấp hành chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận: Ngày 04/6/2025, Cơ quan điều tra giao trả xe mô tô Biển số 71B3 - 013.98 cho ông Nguyễn Thành H2 là chủ sở hữu; ông H2 nhận xe và không có yêu cầu gì khác.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc rìu là hung khí gây án; 01 (một) quần short jean, 01 (một) áo thun ngắn tay, 01 (một) áo khoác bằng vải loại trùm đầu màu xanh là trang phục của Ô Văn T mặc khi gây án, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, 01 (một) quần jean ngắn màu xanh và 01 (một) áo thun cổ tròn, tay ngắn là trang phục của Trần Ngọc L mặc khi gây án; 01 (một) cán dao Thái Lan bằng gỗ, 01 (một) lưỡi dao kim loại màu trắng, 01 (một) cây kẹp bằng sắt và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Ô Văn T đã nhờ người thân bồi thường cho bị hại C số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với các yêu cầu của bị hại Trần Quốc C yêu cầu bị cáo Ô Văn T, Trần Ngọc L bồi thường phần trách nhiệm dân sự thì các bị cáo không thống nhất với yêu cầu của bị hại mà chỉ đồng ý bồi thường một phần. Tuy nhiên, tại phần tranh luận các bị cáo, bà L2, bị hại thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường mà Kiểm sát viên đề nghị nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo mức bồi thường này. Cụ thể: buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại Trần Quốc C số tiền 77.112.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị 2.112.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.200.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bị hại 15.000.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 06 ngày là 1.800.000 đồng và tiền công lao động bị mất của bị hại là 30.000.000 đồng (10.000.000 đồng/tháng x 03 tháng). Trong đó, phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Buộc Ô Văn T bồi thường cho Phạm Thị Ngọc T2 giá trị phần hư hỏng của xe ô tô Biển số 71A - 085.56 là 14.291.200 đồng.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ô Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1 Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ô Văn T 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

1.2 Áp dụng: khoản 1 Điều 178; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ô Văn T 9 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành chung là 03 (ba) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2025.

1.3 Áp dụng: điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Ngọc L 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2025/HSST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) để buộc bị cáo chấp hành chung là 04 (bốn) năm 3 (ba) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ô Văn T bồi thường cho Phạm Thị Ngọc T2 số tiền 14.291.200 (mười bốn triệu hai trăm chín mươi một nghìn hai trăm) đồng;

Buộc bị cáo Ô Văn T, Trần Ngọc L liên đới bồi thường cho Trần Quốc C số tiền 77.112.000 (bảy mươi bảy triệu một trăm mười hai nghìn) đồng. Trong đó phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc rìu là hung khí gây án; 01 (một) quần short jean, 01 (một) áo thun ngắn tay, 01 (một) áo khoác bằng vải loại trùm đầu màu xanh là trang phục của Ô Văn T mặc khi gây án, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, 01 (một) quần jean ngắn màu xanh và 01 (một) áo thun cổ tròn, tay ngắn là trang phục của Trần Ngọc L mặc khi gây án; 01 (một) cán dao Thái Lan bằng gỗ, 01 (một) lưỡi dao kim loại màu trắng, 01 (một) cây kẹp bằng sắt và nhiều mảnh vỡ ly thủy tinh.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2025).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ô Văn T, Trần Ngọc L mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Ô Văn T, Trần Ngọc L liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.855.000 (ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Buộc bị cáo Ô Văn T nộp án phí dân sự sơ thẩm 714.000 (bảy trăm mười bốn nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo, NTGTT (6b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình